

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VỖ
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/HSST

Ngày: 26/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VỖ, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Tuyền.

Ông Nguyễn Quang Sức.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên tòa:**
Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 194/2024/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **191/2024/QĐXXST-HS** ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1990. Tên gọi khác : Không

HKTT: khu phố G, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2024 đến ngày 04/7/2024 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn H, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn M, xã M, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Tô Văn L, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố V, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Anh Vi Văn L1, sinh năm 1997; địa chỉ: C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Anh Phạm Đình D, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố Q, phường Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

6. Anh Nguyễn Tài Ph, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố G, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

7. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố G, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 1/2024, Nguyễn Hữu M mở cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ 88 tại khu Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (Giấy phép kinh doanh mang tên Nguyễn Tài Ph, sinh năm: 1989, ở khu phố G, phường P, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh do M mượn anh Ph để kinh doanh). Ngoài việc cho vay theo quy định, lợi dụng một số trường hợp cần tiền gấp M đã thực hiện hành vi cho vay tiền để thu lãi cao dưới hình thức lập hồ sơ cầm cố tài sản, lãi suất M thu là 5000 đồng/1 triệu/1 ngày và sẽ thu trước 10 ngày tiền lãi (trừ trường hợp một số khách quen M không thu lãi trước). Nếu khách trả được tiền nợ gốc để chuộc tài sản khi chưa hết hạn 10 ngày thì M vẫn thu đủ tiền lãi của 10 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, M sẽ đưa cho khách tiền mặt hoặc chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng Quân đội (MBBank) số 0962887155 hoặc tài khoản Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) số 9962887155, đều mang tên NGUYEN HUU M. Khi khách đến trả tiền nợ gốc thì M sẽ thu tiền mặt hoặc yêu cầu khách chuyển khoản vào số tài khoản Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) số 1018437742 mang tên NGUYEN THI B của Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1992, HKTT: khu G, phường Ph, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (là vợ của M). Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024, M đã thực hiện hành vi cho vay tiền dưới hình thức cầm cố tài sản để thu lãi cao đối với 05 người/13 lượt vay, cụ thể như sau:

Người thứ nhất: Anh Nguyễn H, sinh năm 1991, HKTT: thôn M, xã M, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Ngày 07/4/2024, Anh H cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đen, BKS: 99E1-684.40 để vay số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 11/4/2024, Anh H đến để chuộc xe. M yêu cầu Anh H chuyển số tiền là 47.250.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi của 10 ngày. Tuy nhiên, lúc đó do M làm hỏng xe của Anh H nên Anh H chỉ chuyển khoản cho M số tiền 46.800.000 đồng (gồm tiền nợ gốc và tiền lãi của 10 ngày trừ đi tiền do M làm hỏng xe).

- Ngày 15/4/2024, Anh H tiếp tục cầm cố chiếc xe trên để vay số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2024, Anh H chuyển khoản cho M số tiền 14.600.000 đồng tiền lãi của 73 ngày (từ ngày 16/4/2024 đến ngày 27/6/2024). Anh H tiếp tục phải đóng tiền lãi đến trước ngày M bị bắt là 03 ngày (từ ngày 28/6/2024 đến ngày 30/6/2024) với số tiền là 600.000 đồng.

*Tổng số tiền M cho Anh H vay là 85.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 16.850.000 đồng, số tiền lãi chưa thu là 600.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định là 1.912.318 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là **15.537.672 đồng**.*

Quá trình điều tra Anh H giao nộp 40.065.753 đồng là tiền nợ gốc đã vay của M và số tiền lãi theo quy định pháp luật của 03 ngày còn lại. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Anh H: 15.537.672 đồng – (600.000 đồng lãi chưa thu – 65.763 đồng lãi theo quy định pháp luật) = 15.003.435 đồng.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đen, BKS: 99E1-684.40. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1983, HKTT: thôn M, xã M, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh là chị họ của Anh H. Chị H1 cho Anh H mượn xe để cầm cố vay tiền lo công việc cá nhân. Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy tờ liên quan cho Anh H.

Người thứ hai: Anh Tô Văn L, sinh năm 1984, HKTT: khu V, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 09/4/2024, Anh L cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 30B4 - 2535 để vay số tiền 20.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 1.000.000 đồng. Ngày 15/4/2024, Anh L trả tiền gốc và chuộc lại xe.

Ngày 24/4/2024, Anh L cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 99G1 - 416.19 để vay số tiền 25.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 1.250.000 đồng. Ngày 27/4/2024, Anh L trả tiền gốc và chuộc lại xe.

Ngày 30/5/2024, Anh L cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 14B1 - 578.69 để vay số tiền 35.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 1.750.000 đồng. Ngày 07/6/2024, Anh L trả tiền gốc và chuộc lại xe.

*Tổng số tiền M cho Anh L vay là 80.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 4.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định là 438.356 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là **3.561.644 đồng**.*

Cơ quan điều tra đã trả lại cho Anh L 3.561.644 đồng là tiền lãi Anh L đã đóng cho M.

Người thứ ba: Anh Vi Văn L1, sinh năm 1997, HKTT: thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 20/5/2024, Anh L1 cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu trắng, BKS: 21F1-200.51 để vay số tiền 50.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Ngày 27/5/2024, Anh L1 trả tiền gốc và chuộc lại xe.

Ngày 29/5/2024, Anh L1 tiếp tục cầm cố chiếc xe trên để vay số tiền 50.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Ngày 6/6/2024, Anh L1 trả tiền gốc và chuộc lại xe.

Ngày 08/6/2024, Anh L1 tiếp tục cầm cố chiếc xe trên để vay số tiền 50.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Ngày 17/6/2024, Anh L1 trả tiền gốc và chuộc lại xe.

Ngày 25/6/2024, Liu Anh L1 tiếp tục cầm cố chiếc xe trên để vay số tiền 50.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 2.500.000 đồng.

*Tổng số tiền M cho Anh L1 vay là 200.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 10.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định là 1.095.892 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là **8.904.108 đồng**.*

Quá trình điều tra Anh L1 giao nộp 50.000.000 đồng là tiền nợ gốc đã vay của M. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Anh L1 8.904.108 đồng là tiền lãi Anh L1 đã đóng cho M.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu trắng, BKS: 21F1-200.51. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của chị Bùi Thị Lan H2, sinh năm 1998, HKTT: thôn Đ, xã B, huyện Trăn Yên, tỉnh Yên Bái là bạn bè của Anh L1. Chị H2 cho Anh L1 mượn xe để cầm cố vay tiền lo công việc cá nhân. Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy tờ liên quan cho Anh L1.

Người thứ tư: Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1998, HKTT: thôn T, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 25/4/2024, Anh T cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 99G1 - 651.42 để vay số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 30/5/2024, Anh T trả cho M số tiền 47.250.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi trong 10 ngày.

Ngày 03/6/2024, Anh T tiếp tục cầm cố chiếc xe trên để vay 45.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 2.250.000 đồng. Ngày 08/6/2024, Anh T trả tiền gốc và chuộc lại xe.

Ngày 11/6/2024, Anh T tiếp tục cầm cố chiếc xe trên để vay 45.000.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 10 ngày là 2.250.000 đồng. Ngày 21/6/2024, do Anh T chưa có tiền để chuộc xe nên đã chuyển khoản cho M số tiền 2.250.000 đồng để đóng lãi cho 10 ngày tiếp theo. Đến ngày 01/7/2024, Anh T trả tiền gốc và chuộc lại xe.

*Tổng số tiền M cho Anh T vay là 135.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 9.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định là 986.301 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là **8.013.699 đồng**.*

Cơ quan điều tra đã trả lại cho Anh T 8.013.699 đồng là tiền lãi Anh T đã đóng cho M.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 99G1 – 651.42. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của chị Triệu Kim Ng, sinh năm 1998, HKTT: khu S, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là bạn bè của Anh T. Chị Ng cho Anh T mượn xe để cầm cố vay tiền lo công việc cá nhân. Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy tờ liên quan cho Anh T.

Đối với 01 bộ hồ sơ cầm cố tài sản là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên cần lưu cùng hồ sơ vụ án.

Người thứ năm: Anh Phạm Đình D, sinh năm 1990, HKTT: khu Q, phường Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 12/6/2024, Anh D cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu trắng – xanh, BKS: 99E1-147.64 để vay số tiền 4.500.000 đồng. M thu trước tiền lãi của 20 ngày là 450.000 đồng.

*Số tiền M cho Anh D vay là 4.500.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 450.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định là 49.315 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là **400.685 đồng**.*

Quá trình điều tra Anh D giao nộp 4.500.000 đồng là tiền nợ gốc đã vay của M. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Anh D 400.685 đồng là tiền lãi Anh D đã đóng cho M.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu trắng – xanh, BKS: 99E1-147.64. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản Anh D đã mua của anh Phạm Đình G, sinh năm 1986, HKTT: thôn Q, xã Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy tờ liên quan cho Anh D.

Như vậy tổng số tiền Nguyễn Hữu M cho 05 người vay tiền với lãi suất cao dưới hình thức cầm cố tài sản là **504.500.000 đồng**; tổng số tiền lãi đã thu là **40.900.000 đồng**; tiền thu lợi bất chính là **36.417.808 đồng**.

Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ, Nguyễn Hữu M đầu thú, tự nguyện giao nộp số tiền 40.365.753 đồng là số tiền lãi M đã thu từ việc cho vay với lãi suất cao và khai nhận hành vi phạm tội của mình:

** Vật chứng còn lại đã thu giữ:*

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu bạc, số Imei: 869904055351863 (đã qua sử dụng).

- Số tiền **99.047.945 đồng**

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số: 149/CT-VKSQV ngày 13/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu và thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu M từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo M phải nộp lại 545.400.000 đồng gồm 504.500.000 đồng là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội và 40.900.000 đồng là số tiền lãi thu theo quy định là tiền phát sinh từ tội phạm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp **99.047.945** đồng, do vậy cần tiếp tục truy thu số tiền còn lại của bị cáo là **446.352.055** đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu bạc, số Imei: 869904055351863 (đã qua sử dụng).

Đối với số tiền thu lời bất hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là **36.417.808 đồng** do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhận tội, không tranh luận gì với đại diện VKSND thị xã Quế Võ, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi, quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người liên quan đã nhận được Giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án nhưng không đến tham dự phiên tòa, đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với không gian, thời gian, địa điểm, phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra,

lời khai của những người liên quan, kết quả xác minh, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024, tại cơ sở Cầm đồ 88 tại khu Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Hữu M đã có hành vi cho vay lãi cao dưới hình thức cầm cố tài sản với mức lãi suất là 5000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày tương đương với lãi suất 15%/ 1 tháng; 182,5%/ 1 năm (cao gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1,67%/ 1 tháng; 20%/ 1 năm). Tổng số tiền M đã cho vay là 504.500.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu là 40.900.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 36.417.808 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3. Về tình tiết nặng nề, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

+ Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

+ Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính để trả cho người vay, trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

4. Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ các giảm nhẹ TNHS của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, số tiền bị cáo thu lời bất chính không lớn, số tiền thu lời bất chính không lớn, đã trả lại hết cho những người vay. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

5. Về biện pháp tư pháp:

Đối với tiền gốc cho những người vay, tiền lãi: Đối với số tiền gốc **504.500.000** đồng là tiền dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi thu theo quy định là **40.900.000** đồng là tiền phát sinh từ tội phạm nên căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự phải truy thu để sung quỹ Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước là **545.400.000 đồng** để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ **99.047.945** đồng do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp lại cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị cáo. Do vậy, số tiền còn phải truy thu để sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo M là **446.352.055** đồng.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/năm là **36.417.000** đồng theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự là tiền mà bị cáo đã thu lời bất chính của người vay, nên căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự cần trả lại người vay. Tuy nhiên trong vụ án này, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đã được nhận lại và đều không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy vấn đề này Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu bạc, số Imei: 869904055351863 (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Liên quan trong vụ án:

- Đối với Anh Nguyễn Tài Ph cho M mượn Giấy phép kinh doanh và Chị Nguyễn Thị B là chủ số tài khoản mà M sử dụng để giao dịch với khách vay. Quá trình điều tra xác định anh Ph và Chị B không biết về hành vi phạm tội của M nên Cơ quan điều tra không xử lý mà chỉ nhắc nhở là phù hợp.

- Đối với các hồ sơ cầm đồ của Anh H, Anh D, Anh L1, Anh L, trong quá trình làm ăn M đã làm thất lạc mất. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được, khi nào thu hồi được sẽ được xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu M 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. (Xác nhận bị cáo Nguyễn

Hữu M đã nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0001095 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu bạc, số Imei: 869904055351863 (đã qua sử dụng)

(Theo Biên bản bàn giao vật chứng số 159 ngày 12/9/2024 giữa Công an thị xã Quế Võ với Chi cục THADS thị xã Quế Võ).

3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu M phải nộp lại số tiền **545.400.000** đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn) để sung quỹ Nhà nước. (Xác nhận bị cáo M đã nộp **99.047.945** đồng theo Biên lai thu tiền số 0001593 ngày 12/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quế Võ). Tiếp tục truy thu số tiền **446.352.055** đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng) của bị cáo M để sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Hữu M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

(Xác nhận bị cáo Nguyễn Hữu M đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001095 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an, VKSND, THADS thị xã Quế Võ;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu HS, VT;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Xuân Nhân

